TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 3 – 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Phượng.
2. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Châu Thị Ngọc M**.

Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Lâm Đăng K**.

Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Châu Thị Ngọc M trình bày:

Bà Châu Thị Ngọc M và ông Lâm Đăng K đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 13 tháng 01 năm 2009. Trong thời gian chung sống, bà M với ông K thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tình cảm không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà M với ông K có 01 con chung tên Lâm Thế K1, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2007, hiện nay sống chung với ông K. Bà M đồng ý giao con chung cho

ông K trực tiếp nuôi dưỡng, bà M không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Đối với bị đơn: Ông Lâm Đăng K đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, lấy lời khai nhưng ông K đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

3. Ý kiến của con chung: Trong Tờ tường trình ghi ý kiến, nguyện vọng con chung ngày 03 tháng 3 năm 2025 của bà Châu Thị Ngọc M có ghi nhận ý kiến của con chung là cháu Lâm Thế K1, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2007, thì cháu K1 có nguyện vọng sống chung với cha là ông Lâm Đăng K.

4. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông Lâm Đăng K chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Có cơ sở chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp S, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn là bà Châu Thị Ngọc M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lâm Đăng K đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hai lần hợp lệ, nhưng đều vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị Ngọc M và ông Lâm Đăng K được Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng

ký kết hôn số 33, quyển số 01/2009 vào ngày 13 tháng 01 năm 2009. Tòa án đã thông báo và triệu tập các đương sự tham gia hòa giải, nhưng ông K đều vắng mặt; bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì cho rằng ông, bà không còn chung sống với nhau nữa, cũng không quan tâm, chăm sóc cho nhau, bà không còn tình cảm với ông K, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Vì vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà M với ông K không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà M với ông K có 01 con chung tên Lâm Thế K1, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2007, hiện nay đang sống chung với ông K. Nay bà M đồng ý giao con chung cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng, bà không đồng ý cấp dưỡng.

Xét thấy, ông K không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của bà M; bên cạnh đó, thì con chung tên Lâm Thế K1 cũng có nguyện vọng được sống chung với ông Lâm Đăng K. Do đó, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho ông K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; đồng thời cũng nhằm ổn định cuộc sống cho cháu K1, nên cần giao cháu K1 cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Bà M không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với ông K; ông K cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của khoản 1 và 2 Điều 81; khoản 1 và 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, ông K cũng không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, bà M không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, khoản 1 và 2 Điều 81, khoản 1 và 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị Ngọc M.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Châu Thị Ngọc M được ly hôn với bị đơn ông Lâm Đăng K.

1.2. Về con chung:

- Giao con chung tên Lâm Thế K1, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2007 cho ông Lâm Đăng K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K1 tròn 18 (mười tám) tuổi.

- Bà Châu Thị Ngọc M có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Lâm Thế K1 được sống chung với ông Lâm Đăng K.

- Bà Châu Thị Ngọc M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở; ông Lâm Đăng K cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Châu Thị Ngọc M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Bà Châu Thị Ngọc M không cấp dưỡng nuôi con chung

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Châu Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008368 ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà M đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Toà án tống đạt bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Uỷ ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện X, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh